

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 01 đến 07/01/2025)

1.1. Khu vực miền núi phía Bắc

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên sông Thao tăng, sông Lô tăng nhẹ so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại Yên Bái nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 12%, trên sông Lô tại Tuyên Quang nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 42%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Thao tại Yên Bái nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 18%, sông Lô tại Tuyên Quang nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 43%.

1.2. Khu vực Đồng Bằng và Trung Du Bắc Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến ít mưa.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Đà, lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên, tổng lượng dòng chảy cao hơn so với TBNN là 5%
- Trên các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình, mực nước biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy thấp hơn 15% so với TBNN cùng kỳ. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lục Nam tại Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ là 27%.
- Sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tuần qua biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội ở mức tương đương với TBNN.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến <5mm
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Đà, lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình sẽ dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy cao hơn so với TBNN là 5%.
- Lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam ít biến đổi so với kì

trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy dự báo ở mức cao hơn TBNN 8%; tổng lượng dòng chảy tại Chũ ở mức thấp hơn TBNN khoảng 6%.

- Sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm và phụ thuộc vào điều tiết hồ chứa thượng lưu. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội tuần tới dự báo ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 10%.

1.3. Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa, riêng Hà Tĩnh phổ biến 30-50mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 24%, sông Cả tại Yên Thượng tương đương TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 29%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 28%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa

- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN khoảng 28%, sông Cả tại Yên Thượng xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 22%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 38%.

1.4. Trung Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: ở Quảng Bình phổ biến từ 10-30mm; Quảng Trị-Đà Nẵng phổ biến từ 60-120mm, có nơi trên 150mm như Huế (Thừa Thiên Huế) 191.6mm; Quảng Nam, Quảng Ngãi phổ biến 250-400mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần, trên các sông ở Quảng Ngãi xuất hiện một đợt lũ từ ngày 27-29/12, các sông từ Thừa Thiên Huế đến Quảng Nam có dao động, lưu lượng dòng chảy tăng cao vào cuối tuần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) cao hơn TBNN cùng kỳ 117%, sông Thu Bồn (Quảng Nam) cao hơn 91%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) cao hơn 83%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến từ 20-40mm, có nơi trên 60mm

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần tới, dòng chảy trên các sông có dao động

và giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch cao hơn TBNN cùng kỳ 119%, sông Thu Bồn ở mức cao hơn 111%, sông Trà Khúc cao hơn 79%.

1.5. Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

Tổng lượng mưa khu vực Nam Trung Bộ: Phổ biến 40-80mm, có nơi trên 80mm như: Hoài Nhơn (Bình Định) 134.7mm, Quy Nhơn (Bình Định) 93.8mm,...

Trên các sông từ Bình Định đến Ninh Thuận đã xuất hiện một đợt lũ. Hạ lưu sông Ba mực nước dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

Tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức cao hơn TBNN. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Bình Định) cao hơn 232%, sông Ba (Phú Yên) cao hơn 10%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) cao hơn 101%, sông Lũy (Bình Thuận) cao hơn 123%, sông La Ngà (Bình Thuận) thấp hơn 86% so với TBNN.

b. Dự báo, cảnh báo

Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-40mm, có nơi trên 60mm.

Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại Củng Sơn so với TBNN >21% và sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng >147% so với TBNN.

1.6. Tây Nguyên

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 5-20mm, có nơi trên 50mm như An Khê (Gia Lai) 59.1mm, MĐrắk (Đắk Lắk) 149.9mm, Cát Tiên (Lâm Đồng) 60.2mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần, mực nước sông Krông Ana có dao động nhỏ; các sông khác biến đổi theo điều tiết hồ chứa thủy điện. Lưu lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức tương đương và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 77%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn cao hơn 99%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến ít mưa.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi ở mức tương đương và giảm so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng

chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 77%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn cao hơn 92%.

1.7. Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 5-30mm, có nơi cao hơn như: Biên Hòa (Đồng Nai) 79mm, Nhà Bè (Thành Phố Hồ Chí Minh) 33mm.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 25-50mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm, với xu thế giảm dần. Trên sông Tiền tại Tân Châu ở mức cao hơn TBNN khoảng 6% và trên sông Hậu tại Châu Đốc ở mức thấp hơn TBNN 25%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 08/01/2025

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 07/01/2025

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 10 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				01/01	02/01	03/01	04/01	05/01	06/01	07/01	Tổng	
Tây Bắc	Tam Đường	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Sơn La	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Hòa Bình	5.7	<40	0	0	0	0	0	0	0.6	0.6	<93
Việt Bắc	Lào Cai	0.5	<96	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Yên Bái	0	<100	0	0	0	0	0	0	0.1	0.1	<98
	Tuyên Quang	0	<100	0	0	0	0.5	0	0	1.1	1.6	<85
	Hà Giang	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
Đông Bắc	Cao Bằng	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Lạng Sơn	0.3	<96	0	0	0	0	0	0	1	1	<82
	Bắc Giang	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Quảng Ninh	0.1	<99	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
Đồng Bằng Bắc Bộ	Láng	0	<100	0	0	0	0	0	0	0.2	0.2	<97
	Thái Bình	1.1	<88	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Nam Định	1.6	<85	0	0	0	0	0	0	0.1	0.1	<99
Bắc Trung Bộ	Thanh Hoá	0	<100	0	0	0	0	0	0	0.2	0.2	<95
	Vinh	5.5	<78	0	0	0	0.2	0	0	0.2	0.4	<98
	Hà Tĩnh	40.9	>23	0.3	0	0	2.8	0	0	0.1	3.2	<86
Trung Trung Bộ	Huế	191.6	>142	0.3	4.1	9.3	0.9	2.6	0.6	0.3	18.1	<55
	Quảng Ngãi	224.7	>275	0	2.8	7	2.4	2.4	0.3	0.4	15.3	<52
Nam Trung Bộ	Nha Trang	47.1	>16	2.2	9.7	25	0.1	0	0.1	0	37.1	>220
Tây Nguyên	Kon Tum	0.1	<29	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	B.M.Thuột	11	>326	0.1	0.9	2.8	0	0	0.1	0.1	4	>39
Nam Bộ	Biên Hòa	79.1	>908	0.1	1.1	1.1	1.3	0	0	0.1	3.7	>82
	Cần Thơ	3.3	<74	0	1.1	7.8	0.2	0	0	0.4	9.5	>144

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ 01 đến ngày 07/01/2025

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo 10 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				01/01	02/01	03/01	04/01	05/01	06/01	07/01	Tổng	
Đà	Hồ Hòa Bình	530.04	>5	54	54	52	52	50	50.0	50	362	>5
Thao	Yên Bái	181	<12	19	18	17	17	16	15.0	15	117	<18
Lô	Tuyên Quang	117	<42	13	13	12	14	15	13.0	13	92	<43
Cầu	Gia Bảy	19.79	<15	1.81	1.99	1.81	1.81	1.99	2.0	1.81	13.2	>8
Lục Nam	Chũ	2.76	<27	0.42	0.36	0.12	0.2	0.36	0.5	0.36	2.27	<6
Hồng	Hà Nội	838.08	>1	92	96	96	92	87	83.0	83	627	>10
Mã	Cắm Thủy	174.5	> 24%	17.6	17.1	16.7	16.4	16.1	15.8	15.3	114.91	> 28
Cả	Yên Thượng	197	~ TBNN	22.7	22	21.6	21.2	20.8	20.3	19.7	148.18	~ TBNN
La	Hòa Duyệt	91.6	> 29%	8.9	8.6	8.5	8.3	8.1	8.0	7.7	58.0608	> 22
Tả Trạch	Thượng Nhật	29.6	> 80	2.6	2.6	2.3	2.3	3	3.0	2.6	18.4	> 119
Thu Bồn	Nông Sơn	745.6	> 91	73.4	69.1	73.4	65.7	63.1	63.1	60.5	468.3	> 111
Trà Khúc	Sơn Giang	472.6	> 83	33.7	32	38	43.2	40.6	38.0	34.6	260.1	> 79
Ba	Củng Sơn	296.35	>10	41.47	38.88	41.47	27.65	24.19	21.6	19.87	215.13	>21
Cái NT	Đồng Trảng	114.91	>101	21.6	15.55	24.19	16.42	12.96	9.5	8.21	108.43	>147
ĐăkBlá	KonTum	14.04	< 77	1.6	1.26	1.23	1.39	1.53	1.3	1.28	9.5	< 77
Srêpôk	Giang Sơn	186.27	> 99	20.91	19.7	17.97	16.42	14.52	13.0	11.49	114	> 92
Tiền	Tân Châu			687	681	680	662	658	630.0	595	4593	>6
Hậu	Châu Đốc			70	69	65	63	60	56.0	51	613	<25